

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH ĐẮKLẮK
Bản án số:61/2023/DSST
Ngày: 21/9/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiều Hmôk.
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thiều Sỹ Vững – Cán bộ Toà án nhân dân thị xã B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2023, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thị xã B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1975; Địa chỉ: 69/23 Nguyễn Đ, tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1983; Địa chỉ: 865A đường H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A; tên gọi khác: Nguyễn Thị K, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà 115 đường L, tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2022 đến năm 2023 bà Nguyễn Thị A vay của bà Đặng Thị L nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 19/9/2022 vay 60.000.000 đồng; thời hạn trả nợ muộn nhất ngày 19/11/2022;

Lần 2: Ngày 07/10/2022 vay 60.000.000 đồng; thời hạn trả nợ muộn nhất ngày 07/12/2022;

Lần 3: Ngày 13/10/2022 vay 36.000.000 đồng; thời hạn trả nợ muộn nhất ngày 13/12/2022;

Lần 4: Ngày 23/01/2023 vay 60.000.000 đồng; thời hạn trả nợ muộn nhất ngày 23/3/2023;

Lần 5: Ngày 08/02/2023 vay 60.000.000 đồng; thời hạn trả nợ muộn nhất ngày 08/3/2023 ;

Lần 6: Ngày 24/02/2023 vay 20.000.000 đồng; thời hạn trả nợ muộn nhất ngày 24/3/2023;

Tổng cộng: 296.000.000 đồng.

Nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà A chưa trả nên bà L khởi kiện yêu cầu bà A trả số nợ nói trên và tính lãi suất tính từ ngày vay cho đến ngày trả xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các giấy vay tiền là 1,67%/tháng. Số nợ này bà A là người trực tiếp vay, do vậy bà L chỉ yêu cầu một mình bà A là người chịu trách nhiệm trả nợ, không liên quan đến chồng bà A nên bà L không yêu cầu gì đối với chồng bà A.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị A trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn các khoản vay như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, theo bà A cho rằng đây là các khoản vay trả góp hàng ngày. Vì vậy, kể từ ngày vay, hàng ngày bà A đều trả góp cho bà L như thỏa thuận, nên các khoản vay của năm 2022 thì bà A đã trả hết. Khi trả góp hàng ngày, bà A đều yêu cầu bà Lan trừ dần trong sổ của bàn L. Tuy nhiên bà L có trừ trong sổ hay không thì bà A không rõ.

Đối với khoản nợ của năm 2023 bà A cũng đã trả nhiều lần thông qua chuyển khoản (có phiếu chuyển khoản thông qua tài khoản của ông Nguyễn Tiến D). Do vậy, bà A cho rằng chỉ còn nợ lại khoản nợ của năm 2023 không rõ số lượng cụ thể nhưng khoảng 80.000.000 đồng. Nên bà A chỉ đồng ý trả số tiền còn lại là khoảng 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án:

1. Về tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử vụ án dân sự sơ thẩm.

2. Về nội dung:

Trong tổng số nợ 296.000.000 đồng theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với số tiền 59.000.000 đồng vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bà A có nghĩa vụ trả cho bà Lan số tiền còn nợ 237.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Việc Tòa án xác định là đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thụ ý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc nguyên đơn nhiều lần cho bị đơn vay tiền, trong đó có 06 lần vay tổng cộng là 296.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Số tiền này bị đơn cho rằng một phần là vay trả góp hàng ngày bằng hình thức chơi Huê hụi (hộ), mục đích vay là để chi tiêu cho gia đình, một phần là bà A nhận trả nợ thay cho em họ của bà A.

[2]. Nguyên đơn thì cho rằng bị đơn chưa trả được phần nào trong các khoản đã vay. Bị đơn thì cho rằng đã trả góp xong các khoản nợ của năm 2022, chỉ còn khoản nợ của năm 2023 khoảng 80.000.000 đồng. Để chứng minh, bị đơn đã cung cấp phiếu chuyển tiền đã trả được 39.000.000 đồng.

Đối với số tiền thanh toán qua phiếu chuyển khoản là 39.000.000 đồng, nguyên đơn cho rằng ngoài số nợ mà nguyên đơn khởi kiện, thì bị đơn là bà A còn vay của nguyên đơn 50.000.000 đồng ngày 03/9/2022, số tiền mà bị đơn trả nợ nói trên là thanh toán cho khoản nợ ngày 03/9/2022. Khoản nợ này nguyên đơn không khởi kiện tại vụ án này do bị đơn đã trả được một phần. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định do chưa khởi kiện đối với giấy nợ ngày 03/9/2022, nên nguyên đơn đồng ý trừ số tiền 39.000.000 đồng vào số tiền đã khởi kiện, vì vậy ngày 20/9/2023 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 39.000.000 đồng. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, bà A đã trả thêm cho bà L được 20.000.000 đồng, nên tại phiên tòa nguyên đơn rút thêm 20.000.000 đồng trong tổng số tiền đã khởi kiện nên cần chấp nhận.

[3]. Xét thấy, việc hai bên có giao dịch cho nhau vay tiền là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên cần chấp nhận. Bị đơn cho rằng đã trả hết số nợ đã vay năm 2022 bằng hình thức trả góp hàng ngày cho nguyên đơn, nhưng quá trình giải quyết vụ án chỉ cung cấp được phiếu chuyển khoản trả nợ cho nguyên đơn được số tiền 39.000.000 đồng, ngoài ra được nguyên đơn thừa nhận việc bị đơn đã trả thêm được 20.000.000 đồng trong quá trình giải quyết vụ án.

Do các bên không cung cấp được nội dung thanh toán số tiền 59.000.000 đồng này cụ thể cho khoản nợ nào, tại phiên tòa hai bên thống nhất trừ số tiền đã trả vào khoản nợ ngày 08/02/2023 nên cần chấp nhận.

Xét thấy, việc bị đơn cho rằng đã trả góp hết các khoản vay năm 2022, chỉ còn nợ khoản vay năm 2023 khoảng 80.000.000 đồng nhưng không cung

cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

Bên cạnh đó, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh việc bị đơn có vay số tiền 296.000.000 đồng và cũng được bị đơn thừa nhận. Tất cả các lần vay nêu trên đều đã quá hạn trả nợ chỉ mới trả được 59.000.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên cần buộc bị đơn là bà A có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là bà L số tiền còn lại là 237.000.000 đồng nợ gốc. Đối với số nợ này, bà L chỉ yêu cầu bà A trả, không có yêu cầu gì với chồng bà A nên không xem xét vai trò, trách nhiệm của chồng bà A tại vụ án này. Đối với số tiền vay ngày 03/9/2022, nguyên đơn chưa khởi kiện nên chưa giải quyết.

[4]. Đối với số tiền đã vay, tại các giấy vay nợ hai bên thỏa thuận với nhau về lãi suất là 1,67%/tháng, tương đương 20%/năm. Mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[5]. Lãi suất được tính như sau:

Khoản vay ngày 19/9/2022 vay 60.000.000 đồng; lãi suất được tính từ ngày 19/9/2022 đến ngày xét xử (21/9/2023) là 12 tháng x 20%/năm = 12.000.000 đồng.

Khoản vay ngày 07/10/2022 vay 60.000.000 đồng; lãi suất được tính từ ngày 07/10/2022 đến ngày xét xử (21/9/2023) là 11 tháng x 20%/năm = 10.998.000 đồng (làm tròn số).

Khoản vay ngày 13/10/2022 vay 36.000.000 đồng; lãi suất được tính từ ngày 13/10/2022 đến ngày xét xử (21/9/2023) là 11 tháng x 20%/năm = 6.598.000 đồng (làm tròn số).

Khoản vay ngày 23/01/2023 vay 60.000.000 đồng; lãi suất được tính từ ngày 23/01/2023 đến ngày xét xử (21/9/2023) là 08 tháng x 20%/năm = 7.998.000 đồng (làm tròn số).

Khoản vay ngày 08/02/2023 tại phiên tòa các bên thỏa thuận không tính lãi suất, do đã thanh toán được 59.000.000 đồng trên tổng số 60.000.000 đồng nên cần chấp nhận.

Khoản vay ngày 24/02/2023 vay 20.000.000 đồng; lãi suất được tính từ ngày 24/02/2023 đến ngày xét xử (21/9/2023) là 07 tháng x 20%/năm = 2.333.000 đồng (làm tròn số).

Tổng cộng lãi suất là: 39.927.000 đồng.

[7]. Kể từ ngày 22/9/2023 bà A có nghĩa vụ phải tiếp tục chịu lãi suất 20%/năm đối với khoản nợ gốc 237.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[8]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; trả lại cho bà Đặng Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 119, 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận việc nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện đối với số tiền 59.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L. Bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị L số tiền nợ gốc 237.000.000 đồng và 39.927.000 đồng lãi suất;

Kể từ ngày 22/9/2023 bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ phải tiếp tục chịu lãi suất 20%/năm đối với khoản nợ gốc 237.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 13.846.000 đồng. Trả lại cho bà Đặng Thị L 8.148.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ theo biên lai số 0018588, ngày 31/5/2023.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đặng Thị L, đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Long